

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2018/DS-ST

Ngày 26/11/2018.

V/v “Tranh chấp hợp đồng
dân sự về mua bán tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Việt Hoài.

2/ Ông Trần Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Ông Lương Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2018/TLST-DS, ngày 16/07/2018 về vụ “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2018/QĐXXST-DS, ngày 24/10/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 111/2018/QĐST-DS ngày 12/11/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thái S**, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Ấp B T A, xã VCh, huyện ThS, tỉnh AG (*Có mặt*).

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh L**, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Tổ 6, ấp ThT, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG (*Vắng mặt*).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Phạm Thị Ph**, sinh năm: 1975 (Vợ ông Nguyễn Thanh L). Địa chỉ: Tổ 6, ấp ThT, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG (*Vắng mặt*).

- Bà **Nguyễn Thị Thu Th**, sinh năm: 1972 (Vợ ông Nguyễn Thái S). Địa chỉ: Ấp BTA, xã VCh, huyện ThS, tỉnh AG(*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Thái S trình bày như sau:***

Năm 2016 giữa ông và ông L có thỏa thuận đầu tư lúa nhật và phân bón thuốc bảo vệ thực vật (có bao tiêu sản phẩm). Theo thỏa thuận ông cung ứng cho ông L phân bón thuốc trừ sâu để canh tác đến thu hoạch thì ông L bán lúa cho ông. Đến ngày 14/7/2016 hai bên đối chiếu công nợ thì ông L còn nợ ông tiền phân bón thuốc trừ sâu tổng cộng là 244.330.000 đồng. Ông đã đến nhà đòi nợ ông L nhiều lần nhưng ông L không trả nên ông đã gửi đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 08/08/2016 của Tổ hòa giải ấp Th T, xã BS, huyện HD, tỉnh KG giữa ông và ông L thỏa thuận như sau: Ông đồng ý cho ông L trả dần số nợ nêu trên như sau: Vụ hè thu năm 2016 ông L trả cho ông số tiền 87.700.000 đồng, vụ Đông Xuân năm 2016 - 2017 ông L trả cho ông số tiền 87.700.000 đồng và vụ hè thu năm 2017 ông L trả cho ông số tiền 68.930.000 đồng và tiền lãi là 18.997.000 đồng. Tổng cộng gốc lãi là 263.330.000 đồng. Nhưng từ đó cho đến nay ông L không trả nợ cho ông như thỏa thuận.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Thanh L, bà Phạm Thị Ph trả cho ông số tiền 244.330.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/9/2016 đến ngày 26/11/2018 là 26 tháng (làm tròn), với mức lãi suất là 1%/tháng là 63.525.800 đồng. Tổng cộng là 307.855.800 đồng.

Ngoài ra, ông còn trình bày thêm, vợ chồng ông không có lấy 10 tấn lúa của vợ chồng ông L và cũng không có giữ quyền sở ghi số lúa này như ông L trình bày.

** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày như sau:*

Năm 2016 ông và vợ ông có liên hệ với Cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông Nguyễn Thái S để hợp đồng bao tiêu lúa nhật. Theo hợp đồng thì ông S sẽ giao vật tư nông nghiệp cho ông, đến cuối vụ ông sẽ bán lúa cho ông S rồi trừ nợ còn dư bao nhiêu tiền thì ông lấy. Ông S đã giao vật tư nông nghiệp cho ông nhiều lần và ông cũng đã bán lúa cho ông S. Sau đó, hai bên đối chiếu sổ sách thì ông còn nợ ông S số tiền vật tư nông nghiệp là 244.330.000 đồng. Đến đầu năm 2017 thì vợ chồng ông S có lấy của ông 10 tấn lúa nhật trị giá 57.000.000 đồng để trừ số nợ trên. Việc vợ chồng ông S lấy 10 tấn lúa thì 02 bên có ghi vào sổ tay, mỗi người giữ 01 quyển nhưng do ông cất nhà đã làm thất lạc nên không thể cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông chỉ còn nợ ông S số tiền là 187.330.000 đồng. Ông đồng ý trả số tiền 187.000.000 đồng và đồng ý chịu lãi theo quy định pháp luật nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông xin được trả dần mỗi mùa là 40.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Tại bản tự khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày như sau:* Năm 2016 ông S chồng bà có ký hợp đồng mua lúa nhật với ông L. Theo đó, ông S đã cung cấp vật tư nông nghiệp cho ông L.

Sau đó, hai bên đối chiếu công nợ thì ông L còn thiếu lại chồng bà số tiền 244.330.000 đồng. Nay bà thống nhất với ý kiến của chồng bà. Ngoài ra, bà còn trình bày thêm, vợ chồng bà không có lấy 10 tấn lúa của vợ chồng ông L và cũng không có giữ quyển sổ ghi số lúa này như ông L trình bày.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ph:* Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Phụng đúng theo quy định pháp luật nhưng bà Ph không đến tham dự nên không có lời khai.

Tại phiên tòa:

Ông S cầu vợ chồng ông Nguyễn Thanh L, bà Phạm Thị Ph trả cho ông S số tiền 244.330.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/9/2016 đến ngày 01/11/2018 là 26 tháng (làm tròn), với mức lãi suất là 0.75%/tháng là 47.644.350 đồng. Tổng cộng là 291.974.350 đồng.

Bà Th giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Ông Lương Thành Trung phát biểu ý kiến giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: việc Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp là đúng thẩm quyền. Những người tiến hành tố tụng cũng như những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S. Buộc ông L và bà Ph phải trả cho ông S số tiền gốc, lãi tổng cộng là 291.974.350 đồng. Buộc ông L, bà Ph phải chịu án phí giá ngạch theo quy định của pháp luật. Ông S không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông L là bị đơn, bà Ph là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà Ph theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa ông Nguyễn Thái S và ông Nguyễn Thanh L xác lập vào năm 2016 nên khi phát sinh tranh chấp sẽ được áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[4] Về nội dung vụ án: Năm 2016 giữa ông S và ông L có thỏa thuận bao tiêu sản phẩm là lúa nhật. Theo đó, ông S có trách nhiệm cung cấp phân bón thuốc trừ sâu cho ông L. Còn ông L sau khi thu hoạch lúa sẽ bán cho ông S. Sau đó, hai bên đối chiếu công nợ thì ông L còn nợ ông S số tiền là 244.330.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình phía ông S cung cấp cho Tòa án sổ chi tiết ghi nợ và biên bản hòa giải ngày 8/8/2018 (bút lục 06, 07, 08). Phía Ông L thừa nhận còn nợ tiền phân bón thuốc trừ sâu của ông S số tiền 244.330.000 đồng. Nhưng ông L cho rằng đầu năm 2017 vợ chồng S có lấy 10 tấn lúa nhật của vợ chồng ông trị giá tương đương là 57.000.000 đồng để trừ nợ nên ông chỉ còn nợ ông S số tiền 187.330.000 đồng. Việc vợ chồng ông S lấy 10 tấn lúa thì không có ai chứng kiến nhưng hai bên có ghi vào 02 quyển sổ, mỗi bên giữ 01 quyển.

Xét lời khai của ông L, HĐXX xét thấy, ngày 21/8/2018 Tòa án đã thông báo cho ông L và bà Phạm Thị Ph (vợ ông L) về việc cung cấp chứng cứ là quyển sổ ghi chép việc vợ chồng ông S lấy 10 tấn lúa trị giá tương đương 57.000.000 đồng của vợ chồng ông L để trừ nợ. Tại bản tự khai ngày 24/10/2018 (bút lục 41) ông L trình bày khi cất nhà vợ chồng ông đã làm thất lạc quyển sổ nên không thể cung cấp. Phía ông S, bà Th không thừa nhận việc lấy 10 tấn lúa nêu trên. Cho nên lời khai của ông L là không có căn cứ để được xem xét. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông S là có cơ sở để được chấp nhận. Cần buộc ông L trả cho ông S số tiền nợ là 244.330.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

Về yêu cầu tính lãi: Ông S yêu cầu tính lãi đối với số tiền 244.330.000 đồng ông L còn nợ với mức lãi suất là 01%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 01/9/2016 đến ngày 26/11/2018 là 26 tháng (làm tròn). Tại phiên tòa, ông S chỉ yêu cầu mức lãi suất là 0.75%/tháng. HĐXX xét thấy yêu cầu này của ông S là phù hợp theo quy định tại khoản 02 Điều 438 bộ luật dân sự năm 2005 và theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Thời gian tính lãi và mức lãi suất được tính như sau: 244.330.000 đồng x 0.75%/tháng x 26 tháng là 47.644.350 đồng. Buộc ông L phải trả cho ông S tiền lãi là 47.644.350 đồng.

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi buộc ông L phải trả cho ông S là 291.974.350 đồng.

Đối với bà Ph là vợ của ông L, thì theo ông L trình bày vợ chồng ông là người đến liên hệ với ông S để thỏa thuận hợp đồng bao tiêu sản phẩm lúa nhật nên có đủ căn cứ xác định bà Ph biết việc ông L nợ tiền ông S. Mặt khác phía bà Ph cũng không có ý kiến phản bác về việc ông S yêu cầu bà phải trả nợ cùng ông L. Do đó, HĐXX

căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình buộc bà Phạm Thị Ph cùng ông Nguyễn Thanh L phải có nghĩa vụ trả ông S số tiền nợ vay cả gốc và lãi là 291.974.350 đồng.

Xét yêu cầu yêu cầu của ông L xin trả nợ dần thì tại phiên tòa nay ông S không đồng ý. Trong khi đó yêu cầu này của ông L không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên HĐXX không thể xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Án phí được tính như sau: 291.974.350 đồng x 5% = 14.598.000 đồng (làm tròn).

Buộc ông L và bà Ph phải chịu án phí là 14.598.000 đồng.

Ông S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 428, Điều 438 Bộ Luật dân sự 2005 và Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015. Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thái S.

Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị Ph phải trả cho ông Nguyễn Thái S số tiền là 291.974.350 đồng (Trong đó, gốc là 244.330.000 đồng và lãi là 47.644.350 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Sơn cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng ông L, bà Ph còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2/ Về án dân sự giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Phạm Thị Ph phải chịu án phí là 14.598.000 đồng.

Trả lại cho ông Nguyễn Thái S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.452.000 đồng theo các biên lai thu số: 0006792, ngày 03/07/2018 và số: 0006984, ngày 29/08/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/ Quyền kháng cáo: Ông S, bà Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông L, bà Ph có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòn Đất;
- UBND xã;
- CCTHADS;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo